

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội

Ngày 30/06/2025	20,350 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.6%	-	-

DT thuần Q2/25
75.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.2 -22.0%
YoY: ▲ 14.6 24.0%

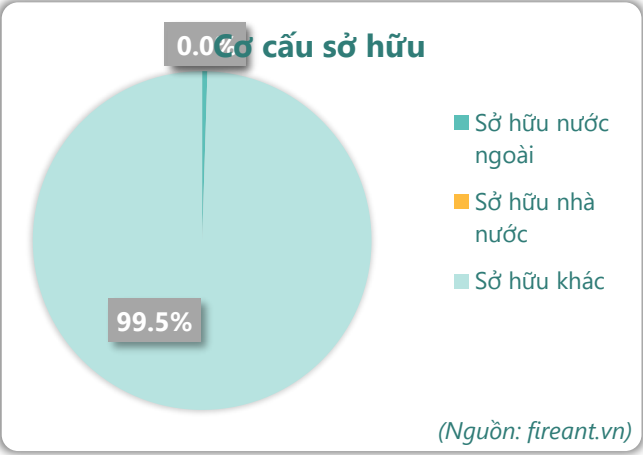
LN thuần Q2/25
18.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.8 -55.8%
YoY: ▼16.9 -47.3%

LN sau thuế Q2/25
14.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.4 -56.8%
YoY: ▼14.6 -49.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
25.8%
YoY: +/-▼ 19.2%

ROE (TTM) Q2/25
13.6%
YoY: +/-▼ 3.5%

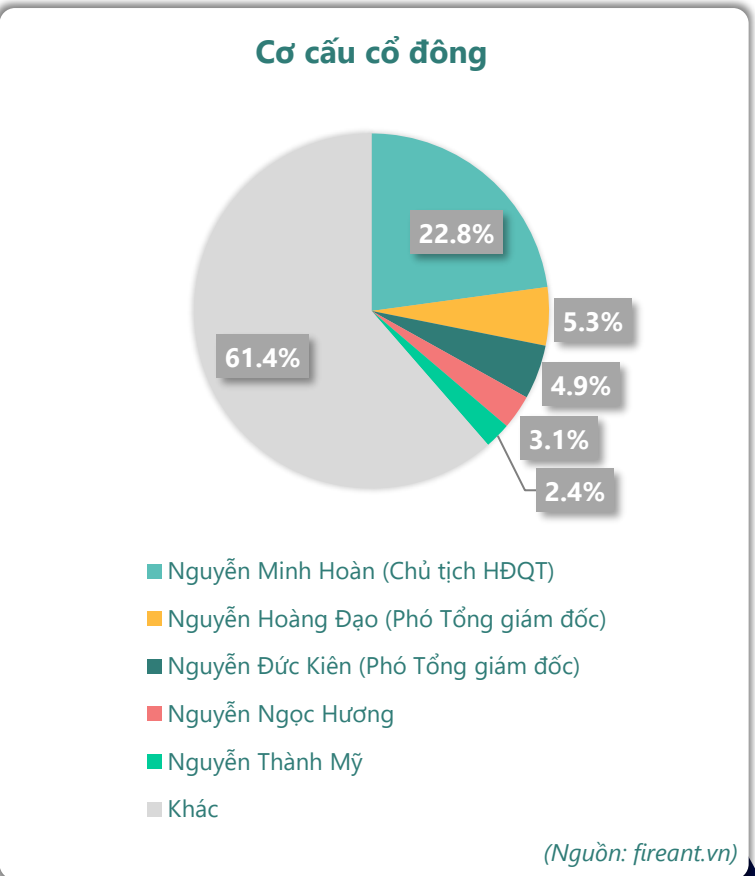
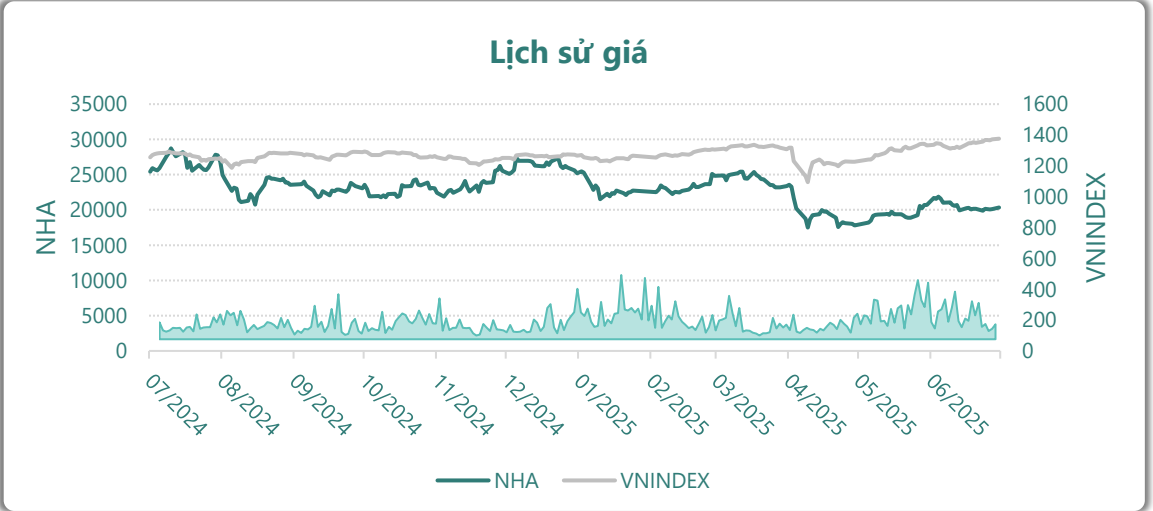
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,500 - 28,727
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	989
Số lượng CPLH (CP)	48,591,709
KLGD BQ 20 phiên (CP)	557,745
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	1.20
EPS	1,456
P/E	14.0



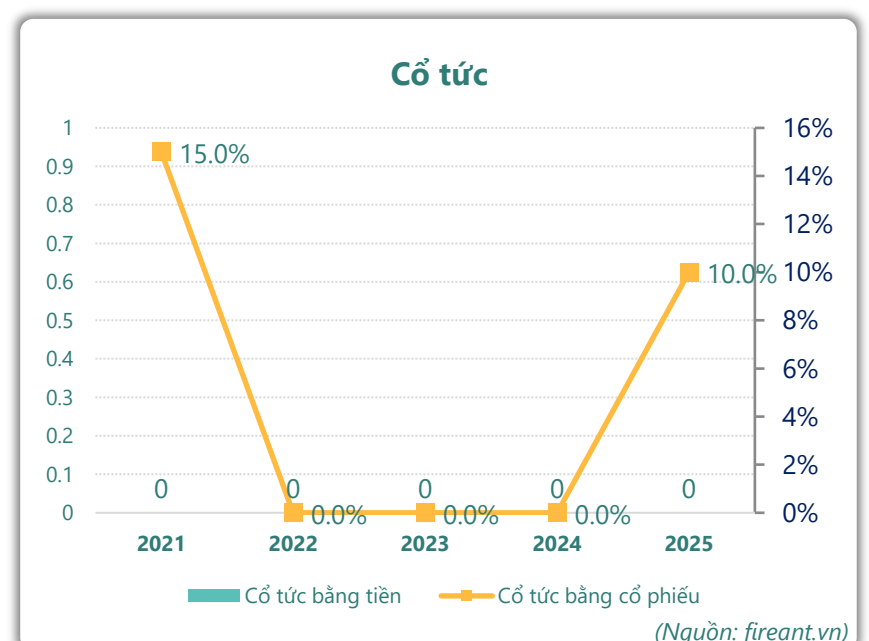
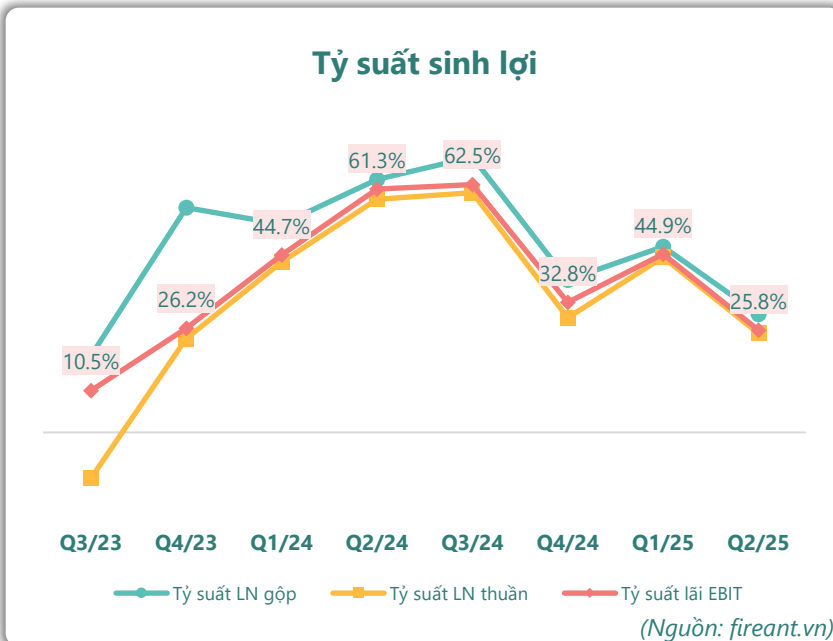
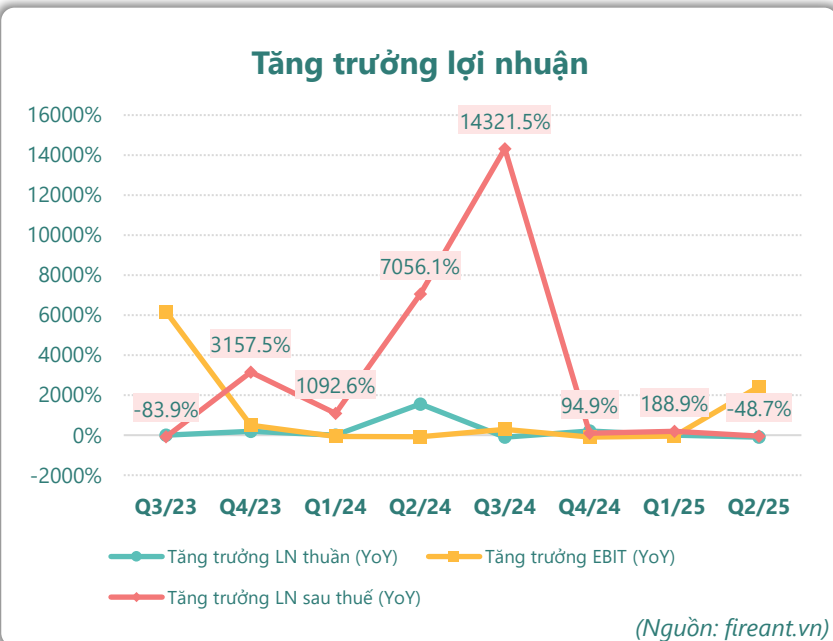
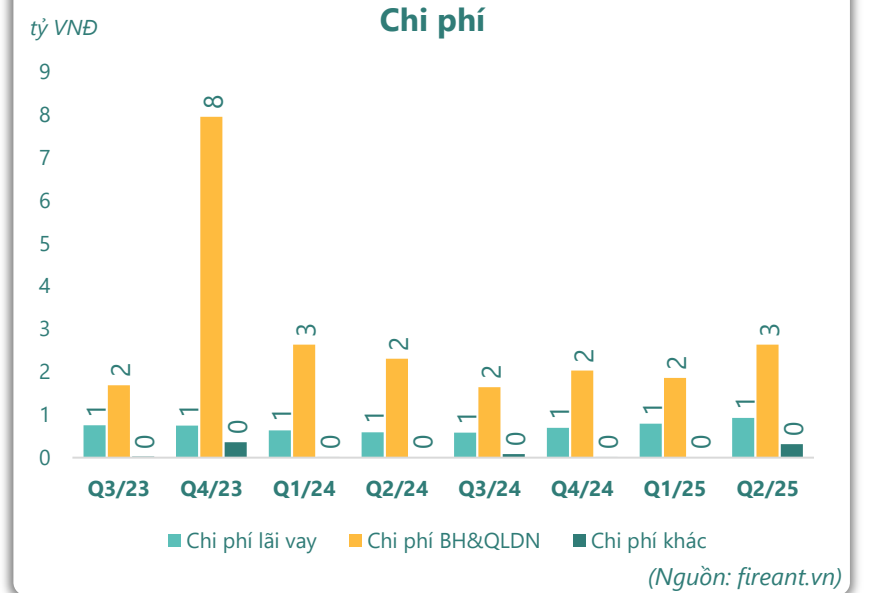
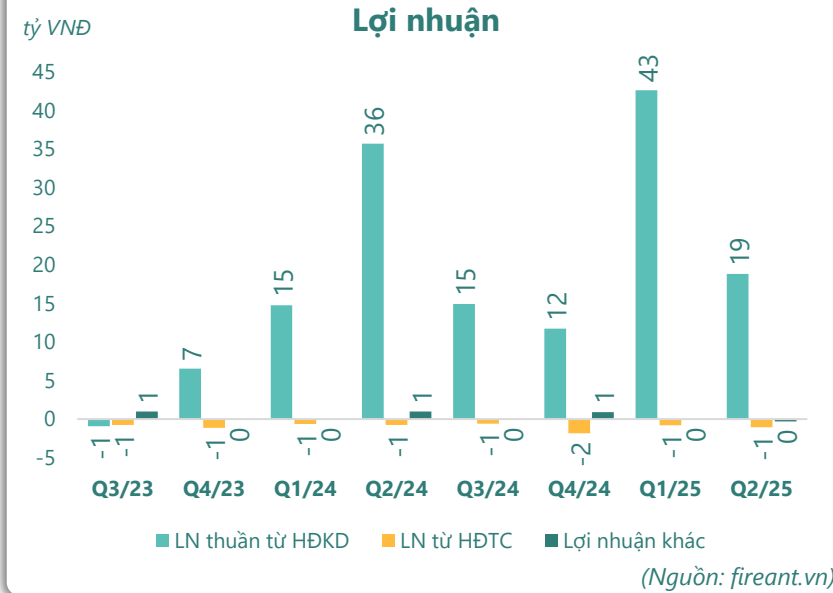
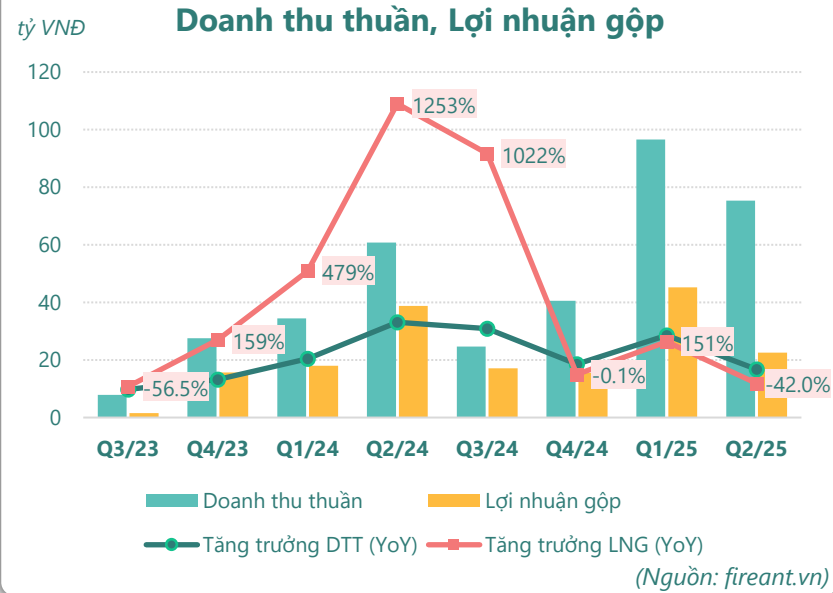
DT thuần 6T 2025
172
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 76.8 80.7%

LN thuần 6T 2025
61.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.9 21.7%

LN sau thuế 6T 2025
48.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.70 18.7%



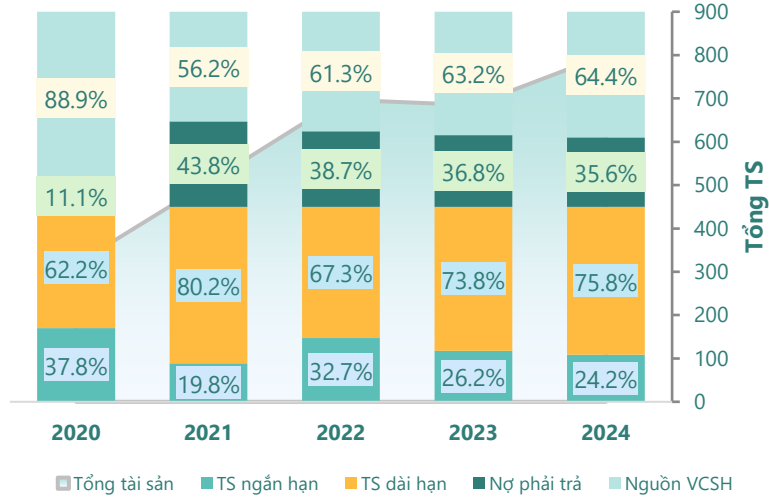
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

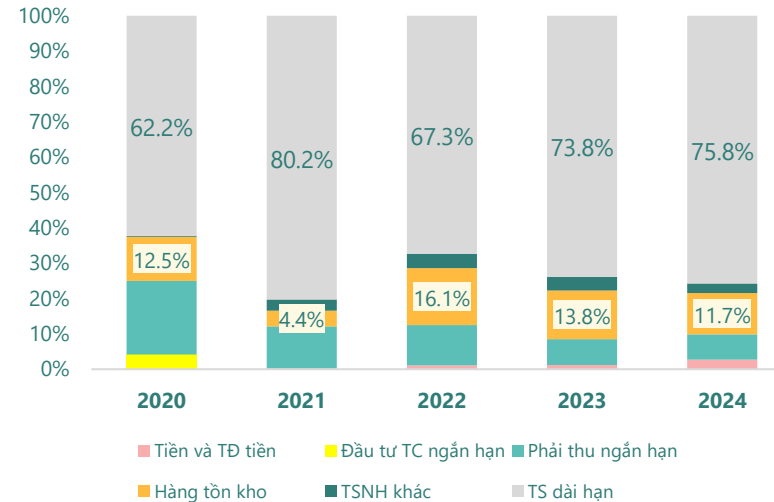
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

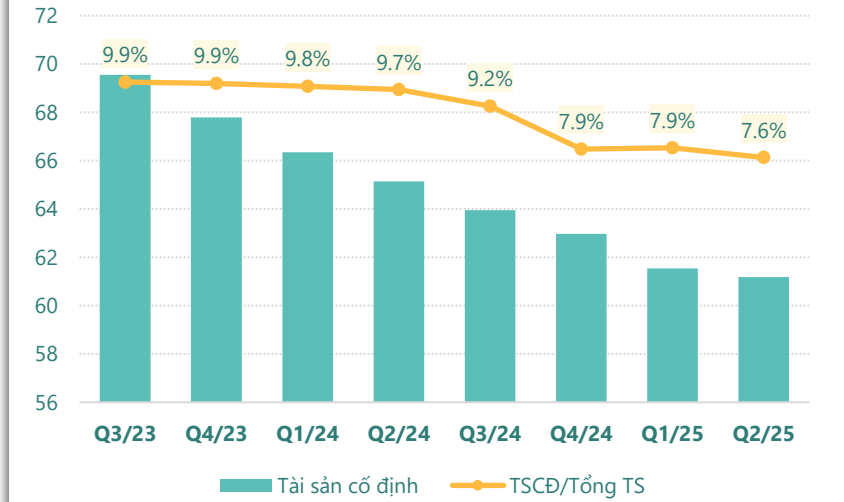
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

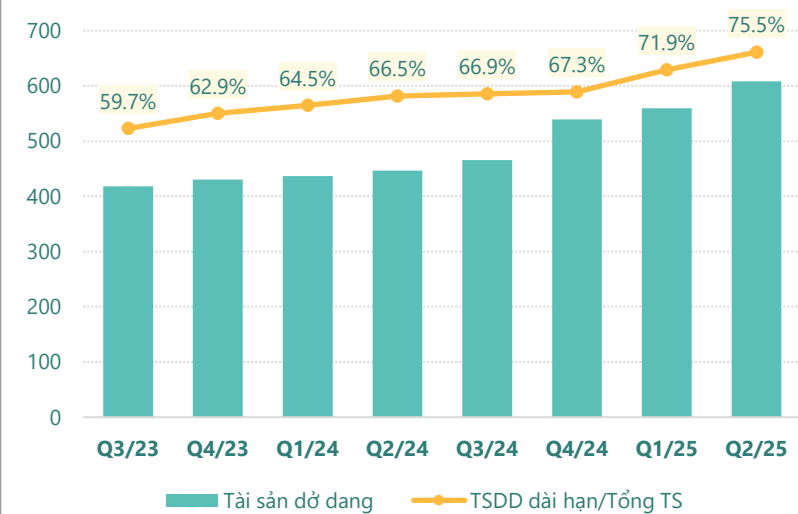
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

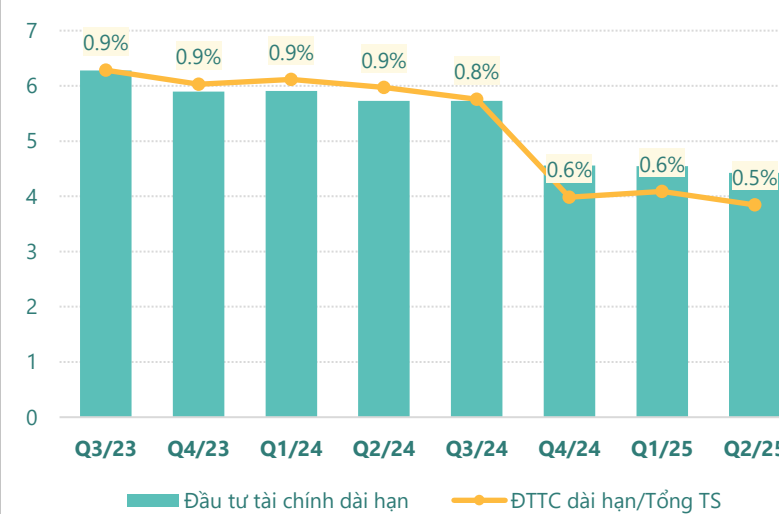
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

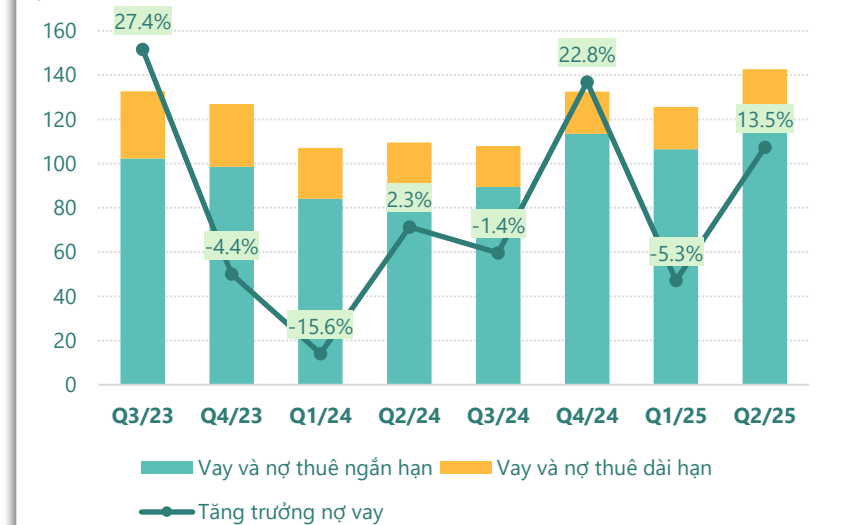
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

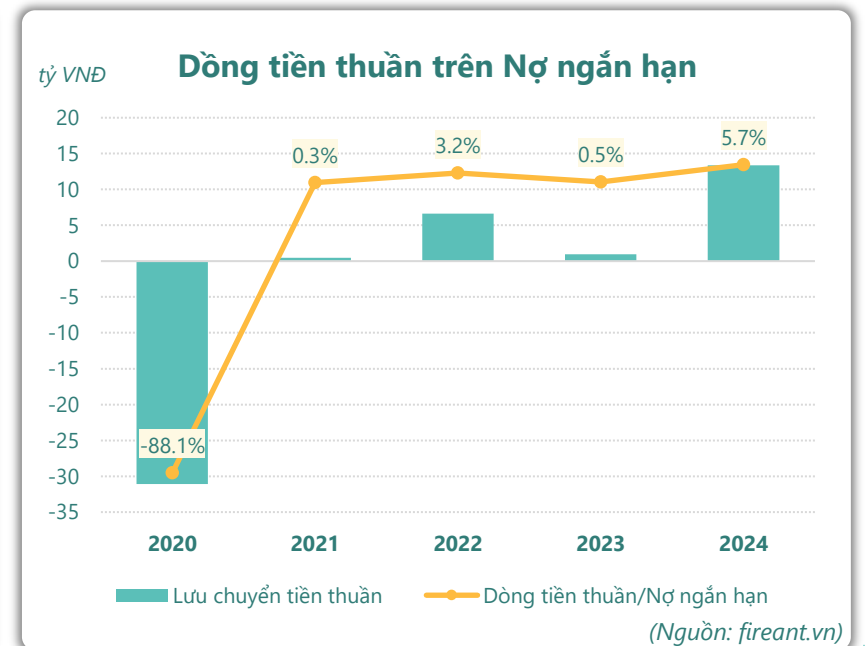
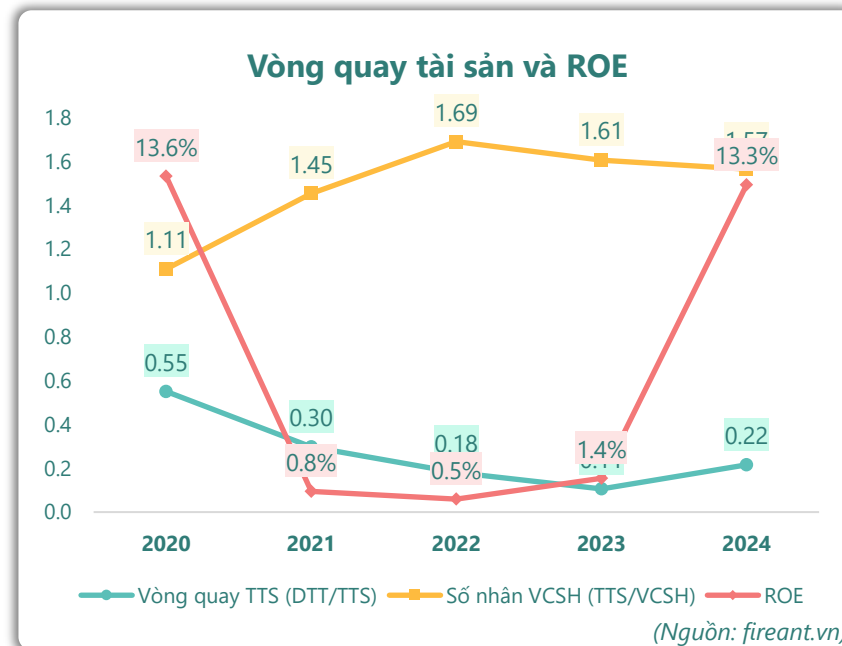
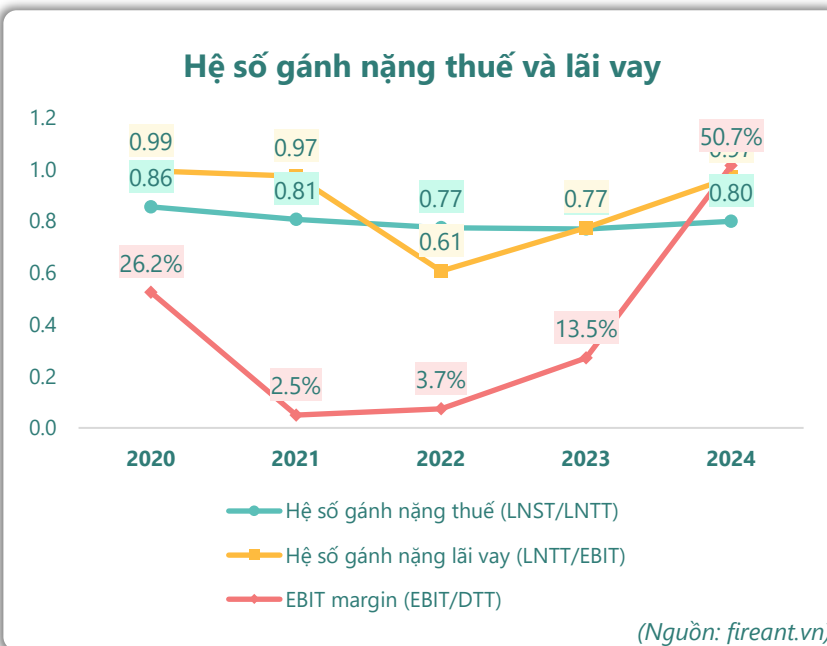
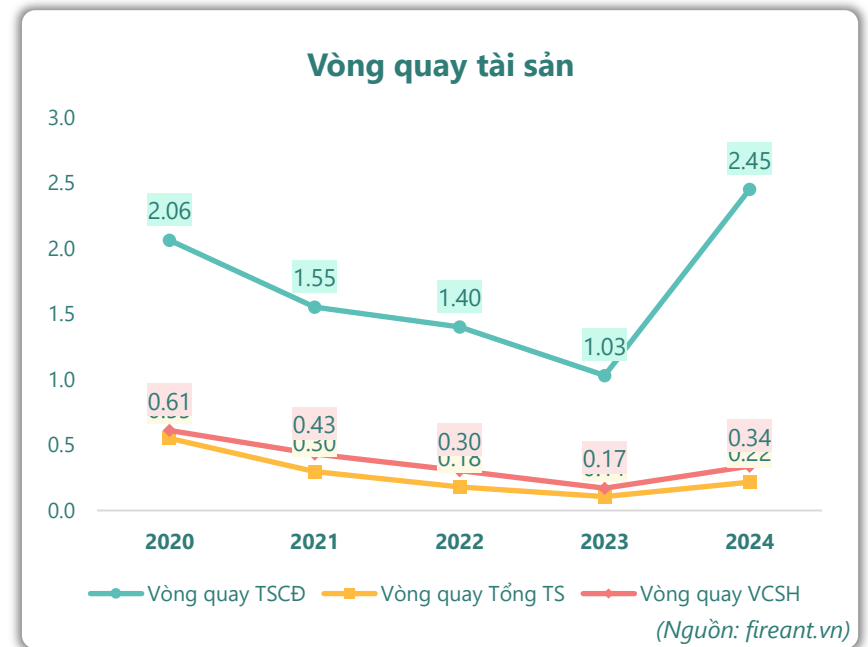
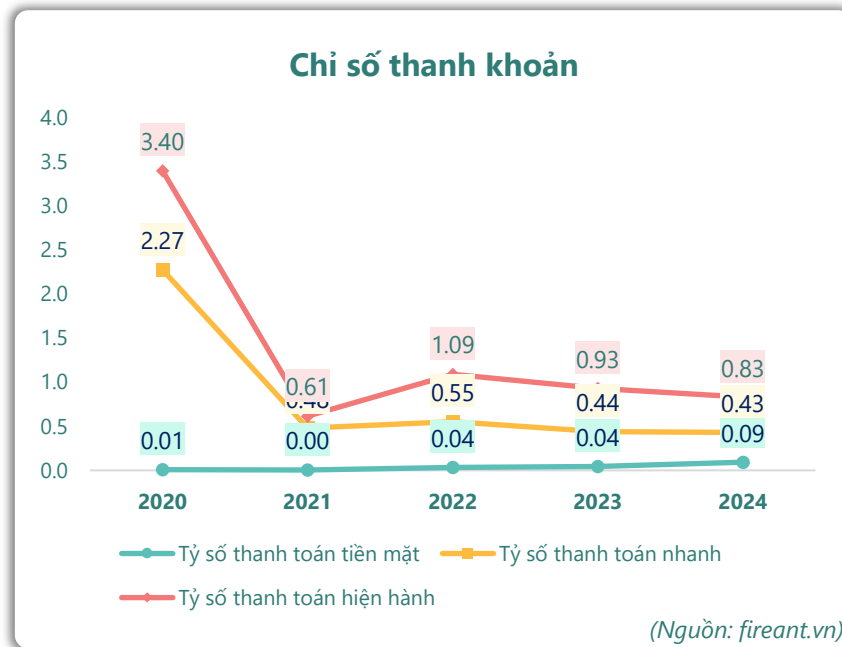
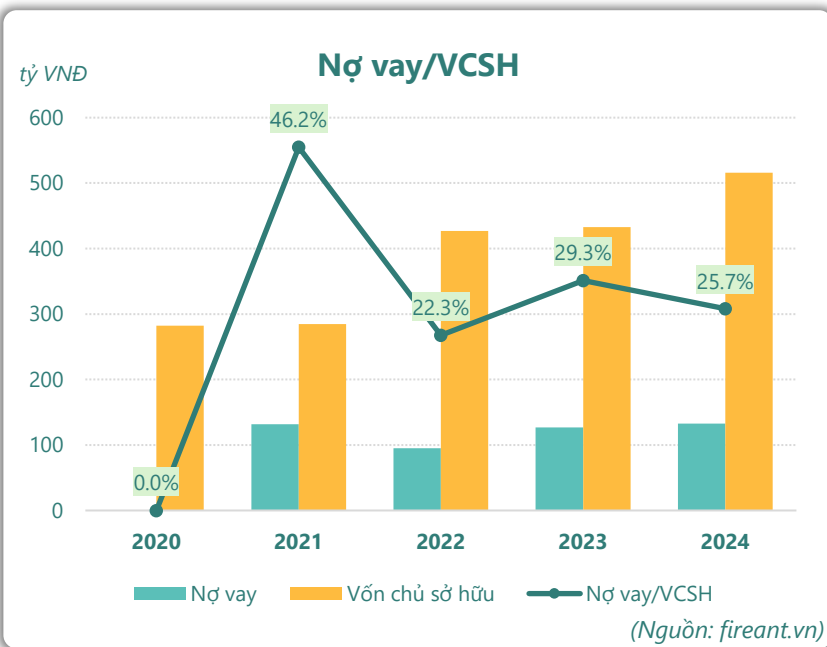
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	75.4	60.8	24.0%	172	95.2	80.7%
Giá vốn hàng bán	52.9	22.0	140%	104	38.4	172%
Lợi nhuận gộp	22.5	38.8	-42.0%	67.8	56.8	19.2%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	-24.2%	0.02	0.02	33.0%
Chi phí TC	1.05	0.78	34.7%	1.84	1.41	30.4%
Chi phí lãi vay	0.93	0.59	57.1%	1.72	1.23	39.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.64	2.31	14.3%	4.50	4.94	-9.0%
LN thuần từ HĐKD	18.8	35.7	-47.3%	61.4	50.5	21.7%
Lợi nhuận khác	-0.32	0.98	-132%	-0.33	0.96	-134%
LN trước thuế	18.5	36.7	-49.6%	61.1	51.4	18.8%
Lợi nhuận sau thuế	14.7	29.3	-49.7%	48.8	41.1	18.7%
LNST của CĐ cty mẹ	14.7	29.3	-49.7%	48.8	41.1	18.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.7	6.19	-11.0	66.3	15.2	29.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.38	-10.8	-2.98	-88.5	-22.3	-48.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.8	2.45	18.5	24.6	-7.00	17.0
Tiền đầu kỳ	8.29	16.9	14.7	19.2	21.6	7.47
Lưu chuyển tiền thuần	8.57	-2.20	4.54	2.44	-14.2	-1.87
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.9	14.7	19.2	21.6	7.47	5.60

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	805	801	0.6%
Tài sản ngắn hạn	131	194	-32.5%
Tiền và tương đương tiền	5.60	21.6	-74.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	34.6	57.4	-39.7%
Hàng tồn kho	71.4	93.5	-23.7%
Tài sản ngắn hạn khác	19.3	21.5	-10.0%
Tài sản dài hạn	674	607	11.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	61.2	63.0	-2.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	608	539	12.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.42	4.55	-2.7%
Tài sản dài hạn khác	0.49	0.06	785%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	240	285	-15.5%
Nợ ngắn hạn	185	234	-20.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	122	113	7.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	35.6	16.0	123%
Nợ dài hạn	55.3	50.9	8.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.8	19.2	8.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	565	516	9.5%
Vốn chủ sở hữu	565	516	9.5%
Vốn điều lệ	486	442	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

